TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TÂY NINH** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 76/2018/DS-ST
Ngày: 06-8-2018
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản; tranh chấp hợp đồng góp hụi".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TÂY NINH, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Bích Hằng;

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Liễu;

2. Bà Đặng Thị Phương Thảo.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Ninh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Khánh Bình, Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 15/2018/TLST-DS ngày 11 tháng 01 năm 2018 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản; tranh chấp hợp đồng góp hụi" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 77/2018/QĐST-DS ngày 21 tháng 6 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị Bích H, sinh năm: 1969; địa chỉ: Số nhà 710, đường 30/4, khu phố Ninh An, phường Ninh Sơn, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Anh Lê Phước Y, sinh năm: 1995; địa chỉ: Số 493, đường Bời Lời, khu phố Ninh Thọ, phường Ninh Sơn, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

2. Bị đơn:

2.1. Bà Lã Thị Kim T, sinh năm: 1972; địa chỉ: Số 07, hẻm 23, đường Trần Hưng Đạo, khu phố 1, phường 1, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh; nơi thường trú: Số 108, đường Trưng Nữ Vương, khu phố 1, phường 2, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

2.2. Ông Nguyễn Văn H, sinh năm: 1968; địa chỉ: Số nhà 07, hẻm 23, đường Trần Hưng Đạo, khu phố 1, phường 1, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Hương N, sinh năm: 1973; địa chỉ: Số 15, hẻm 6, đường Võ Thị Sáu, khu phố 5, phường 4, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

4. Người làm chứng:

4.1. Bà Võ Thị H, sinh năm: 1960; địa chỉ: Số nhà 269, đường Trần Hưng Đạo, khu phố 1, phường 1, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

4.2. Ông Lê Văn H, sinh năm: 1969; địa chỉ: Số nhà 12, hẻm 3, ấp Suối Dộp, xã Thái Bình, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

4.3. Bà Lý Nhứt H, sinh năm: 1974; địa chỉ: Số nhà 01, đường số 33, đường Bời Lời, khu phố Ninh An, phường Ninh Sơn, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

4.4. Bà Nguyễn Thị Ngọc A, sinh năm: 1960; địa chỉ: Số 18/2, hẻm 33, đường 30/4, khu phố 1, phường 1, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ KIỆN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 27-12-2017, quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn bà Lê Thị Bích H và người đại diện theo ủy quyền anh Lê Phước Y trình bày:

Bà H chơi thân và kết nghĩa chị em với với ông H, bà T. Từ năm 2010 cho đến năm 2016, bà H cho ông H, bà T vay rất nhiều lần tiền. Những khoản tiền ông H, bà T đã trả rồi thì bà H và bà T, ông H đã xé bỏ giấy nợ hoặc trong giấy nợ ghi chữ "R". Tháng 7/2016, thời điểm bà T, ông H tuyên bố vỡ nợ, bà H lấy giấy nợ ra tính toán thì bà T, ông H còn thiếu bà số tiền 5.150.000.000 (năm tỷ một trăm năm mươi triệu) đồng. Số tiền này bà H đã đòi ông H, bà T rất nhiều lần nhưng cứ hẹn mà không trả. Sau đó bà H, bà T với bà N đã cấn trừ nợ bằng nhà đất của bà N tương đương với số tiền 3.800.000.000 (ba tỷ tám trăm triệu) đồng. Các giấy nợ của khoản tiền 3.800.000.000 đồng đã xé bỏ hoặc bà T đã gạch bỏ bằng chữ "R". Số tiền còn lại bà T, ông H chưa trả cho bà H là 1.350.000.000 đồng thì bà H vẫn còn giữ các giấy nợ gốc.

Cụ thể các giấy nợ bà T, ông H còn nợ bà H là: Ngày 04/10/2010, bà H cho bà T, ông H vay 100.000.000 (một trăm triệu) đồng; ngày 26/8/2011, bà H cho bà T, ông H vay tiếp số tiền 100.000.000 (một trăm triệu) đồng; ngày 28/4/2011, bà H cho bà T, ông H vay tiếp số tiền 100.000.000 (một trăm triệu) đồng; ngày 18/8/2011, bà H cho bà T, ông H vay tiếp số tiền 100.000.000 (một trăm triệu) đồng; ngày 15/01/2012, bà H cho bà T, ông H vay tiếp số tiền 200.000.000 (hai trăm triệu) đồng; ngày 24/02/2012, bà H cho bà T, ông H vay tiếp số tiền 300.000.000 (ba trăm triệu) đồng; ngày 15/3/2012, bà H cho bà T, ông H vay tiếp số tiền 250.000.000 (hai trăm năm mươi triệu) đồng; ngày 24/01/2013, bà H cho bà T, ông H vay tiếp số tiền 200.000.000 (hai trăm triệu) đồng. Tổng cộng, các giấy nợ bà T, ông H còn thiếu bà H số tiền 1.350.000.000 (một tỷ ba trăm năm mươi triệu) đồng. Bà H cam kết số tiền vay còn lại này không liên quan đến số tiền 3.800.000.000 đồng đã cấn trừ nợ giữa bà H, bà T với bà N. Khi vay tiền có giấy tờ đầy đủ, khi trả tiền xé bỏ giấy nợ hoặc gạch bỏ bằng chữ "R". Khi vay thỏa thuận miệng lãi suất giao động từ 01% đến 02%/tháng tùy từng thời điểm vay. Số tiền 1.350.000.000 đồng từ năm 2010 đến ngày 31/12/2015 bà T, ông H đã trả lãi cho bà H tổng cộng là 659.423.000 đồng, không có giấy tờ.

Bà T, ông H ngoài việc mở tiệm cầm đồ tại nhà còn làm chủ hụi. Ngày 01/9/2014 AL (tức ngày 24/9/2014 DL), bà T, ông H mở một dây hụi 10.000.000

đồng/tháng. Theo danh sách hụi viên bà T đưa cho bà H thì bà H có chơi 03 phần. Theo giấy hụi gồm 22 phần, mỗi tháng khui một lần vào ngày 01 AL hàng tháng. Bà H đã đóng hụi đầy đủ hàng tháng cho bà T được 19 tháng. Đến tháng 20, 21 và 22 bà H kêu hốt thì bà T không đăng mà nói hụi tăng lên trên 30 phần. Bà H vẫn tiếp tục đóng cho bà T đến tháng thứ 23 thì ngưng. Bà H yêu cầu bà T cung cấp danh sách hụi viên mới nhưng bà T không đưa. Bà yêu cầu bà T đăng hụi cho bà nhưng bà T không đăng. Nếu bà H hốt hụi thì được số tiền 690.000.000 đồng, trừ tiền hoa hồng 15.000.000 đồng thì bà thực nhận là 675.000.000 đồng. Do bà T đăng hụi không đúng nên bà không trừ tiền hoa hồng mà yêu cầu bà T, ông H phải trả đủ tiền hụi cho bà là 690.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi từ ngày không đăng hụi cho đến ngày xét xử.

Tại phiên tòa, anh Y người đại diện ủy quyền cho bà H đồng ý rút một phần khởi kiện đối với tiền hụi. Bà H buộc ông H, bà T trả tiền hụi là 555.000.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật.

- Theo biên bản lấy lời khai, quá trình tố tụng bị đơn bà Lã Thị Kim T trình bày:

Khoảng từ năm 2010 đến năm 2016, bà T vay nhiều lần tiền của bà H để cho bà Nguyễn Hương N vay lấy lãi. Tổng số tiền bà vay của bà H khoảng 3.500.000.000 đồng. Các giấy nợ bà ghi cho bà H và ký tên. Thỏa thuận miệng lãi suất từ 3% đến 4%/tháng. Cuối tháng 7/2016, bà N tuyên bố đổ nợ nên bà, bà H, bà N có đến nhà bà A (chị của bà H) thỏa thuận với nhau là bà N nợ bà T và bà N sẽ nhận nợ với bà H. Bà N và bà H có ra Phòng công chứng Trần Duy L làm Hợp đồng bằng hình thức bà N thế chấp nhà đất cho bà H. Số tiền thế chấp nhà trừ vào số tiền bà vay của bà H đưa cho bà N vay. Bà có yêu cầu bà H đưa cuốn sổ đến để xóa sổ, nhưng do lúc đó tinh thần bà hoảng loạn nên bà H đưa giấy nào bà gạch giấy đó. Bà không kiểm tra lại số tiền bà đã gạch bỏ là bao nhiêu. Sau đó bà H có nói với bà N là bà T gạch sót một giấy nợ, mai mốt bà H sẽ đi thưa bà, việc này bà N biết. Bà N có nói: "Nợ bà T đã chuyển cho bà N hết rồi thì bà H phải xé bỏ hoặc trả lại giấy nợ cho bà T". Bà T yêu cầu bà H trả giấy nợ cho bà nhưng bà H không trả. Bà xác định trước đây bà có nợ bà H nhưng đã chuyển sang bà N, bà không còn nợ bà H khoản tiền nào cả. Sơ suất của bà T là không lấy lại hết các giấy nợ. Khoản tiền này bà T vay, không liên quan đến ông H.

Từ năm 1993 cho đến năm 2016, bà T làm chủ hụi. Khoảng năm 2014, mãn dây hụi 5.000.000 đồng/tháng. Trước đây bà H cũng đã chơi nhiều dây hụi do bà làm chủ. Khi mãn dây hụi này bà H yêu cầu gầy lại dây mới làm hụi 10.000.000 đồng/tháng. Bà H có đăng ký 03 phần/01 dây. Bà T sợ sẽ không có đủ người chơi nên bà H nói viết danh sách hụi viên nháp để có gì bà H rủ thêm người chơi cho. Bà có ấn định ngày chơi thì có một số người rút ra không chơi nên bà có báo với bà H là làm lại hụi 5.000.000 đồng/tháng. Bà thống nhất chuyển 03 phần hụi của bà H thành 06 phần hụi 5.000.000 đồng/tháng. Tổng cộng dây hụi này là 31 hụi viên. Bà T, bà H, bà N thống nhất bà lấy tiền lãi từ bà N, đóng tiền hụi cho bà H còn dư bao nhiêu đưa lại cho bà H. Dây hụi này bắt đầu đăng từ ngày 01/9/2014 AL, hụi được hưởng hoa hồng là 50%. Khi thống nhất như vậy nhưng bà N chỉ đóng lãi cho bà

được khoảng 5 đến 6 tháng thì bà N không đóng lãi nữa. Nhưng bà vẫn bỏ tiền túi ra đóng hụi đầy đủ cho bà H đến tháng 4/2016 AL thì bà H kêu hốt hụi. Thời điểm bà H kêu hốt hụi là đã đóng được khoảng 19 tháng. Bà đưa tiền lên cơ quan đăng cho bà H 01 phần được 130.000.000 đồng. Do bà H đang họp nên nói bà giao cho bà A lấy dùm. Bà cũng cầm số tiền đó giao cho bà A, nhưng không có giấy tờ. Tháng kế tiếp bà H lại kêu hụi, do bận công việc nên bà nhờ bà N lên giao cho bà H 150.000.000 đồng. Bà N lên cơ quan bà H nhưng bà H nói đưa cho bà A nhận dùm. Bà N giao tiền hụi cho bà A, không có giấy tờ. Tháng 7/2016, bà N tuyên bố vỡ nợ, bà N cũng chơi dây hụi này 06 phần nên bà có kêu tất cả hụi viên đến xin thối tiền hụi lại. Bà H chơi 06 phần nhưng đã đăng cho bà H 02 lần được tổng số tiền 280.000.000 đồng. Thực tế hụi không bị vỡ nhưng do bà N vỡ nợ nên bà xin ngưng hụi vì không có tiền đăng cho hụi viên. Bà xin thối tiền lại cho các hụi viên. Bà cũng đã thối lại tiền hụi cho bà H xong, cụ thể bao nhiêu bà không nhớ rõ. Khi cấn trừ nợ hụi, không có giấy tờ, các hụi viên đồng ý nhận tiền nên về, không có ý kiến gì. Số tiền hụi không liên quan đến ông H.

- Theo biên bản lấy lời khai và quá trình tố tụng người làm chứng bà Nguyễn Thị Ngọc A trình bày:

Bà A là chị họ của bà H. Bà A quen biết, chơi thân và cho bà T, ông H vay tiền và chơi hụi của bà T, ông H làm chủ. Khoảng tháng 9/2014 AL, bà T rủ bà H tham gia chơi dây hụi 10.000.000 đồng/ tháng do bà T làm chủ. Dây hụi này bà H chơi 03 phần nhưng chơi dùm cho bà H, bà H và ông H. Trước đây bà có chơi hụi của bà T nhưng dây hụi này bà không tham gia. Ba phần hụi này bà H đã đóng được 23 tháng, chưa được hốt phần nào cả. Nếu tính cả lãi hụi thì bà T còn thiếu bà H 10.000.000 đồng/tháng x 03 phần x 23 tháng là 690.000.000 đồng. Thường thì hàng tháng bà H lấy tiền lãi của bà, bà H để đóng tiền hụi cho bà T. Tháng thứ 24 bà H kêu hụi nhưng bà T cứ hẹn mà không cho hốt. Bà H đóng được 23 tháng thì bà T kêu ngưng hụi, do bà N không trả nợ cho bà T, nên bà T không đăng tiền hụi cho bà H. Bà A xác định bà H chưa được hốt hụi của bà T. Bà A không nhận dùm bà H khoản tiền hụi nào cả. Bà T khai đăng cho bà H gửi qua bà là không đúng sự thật. Bà A có ý kiến như trên và không có tranh chấp trong vụ kiện này.

- Theo biên bản lấy lời khai và quá trình tố tụng người làm chứng bà Võ Thị H trình bày:

Bà H xác định bà nhờ bà H chơi dùm một phần hụi 10.000.000 đồng do bà T làm chủ. Bà H đã đóng hụi cho bà H được 23 tháng, khoảng 184.000.000 đồng, tính cả lãi hụi là 230.000.000 đồng. Tháng thứ 24 bà H nhờ bà H hốt thì bà T tuyên bố ngưng hụi. Bà, bà H và bà H có đến gặp bà T thì bà T cũng xác định còn thiếu tiền hụi bà H. Bà T sẽ kiếm tiền thanh toán cho bà H để bà H thanh toán cho bà. Trên giấy tờ thì bà H chơi hụi của bà T. Bà nhờ bà H chơi hụi dùm nên bà chỉ biết bà H. Bà H hiện nay còn thiếu bà tiền hụi là 230.000.000 đồng, bà cũng nhiều lần đòi nhưng bà H nói để bà H đòi bà T rồi sẽ trả lại cho bà. Trong vụ kiện này bà chỉ trình bày như trên để xác định việc bà có nhờ bà H chơi hụi của bà T làm chủ là thật. Bà không tranh chấp trong vụ kiện này. Nếu sau này bà H không trả cho bà thì bà sẽ khởi kiện bà H ở vụ kiện khác.

- Theo biên bản lấy lời khai và quá trình tố tụng người làm chứng bà Lý Nhứt H trình bày:

Bà H xác định bà có nhờ bà H chơi dùm một phần hụi 10.000.000 đồng do bà T làm chủ. Bà H đã đóng hụi cho bà H được 23 tháng, khoảng 180.000.000 đồng, tính cả lãi hụi là 230.000.000 đồng. Tháng thứ 24 bà H nhờ bà H hốt thì bà T tuyên bố ngưng hụi. Bà, bà H, bà H có đến gặp bà T thì bà T xác định còn thiếu tiền hụi bà H và sẽ kiếm tiền thanh toán cho bà H. Trên giấy tờ thì bà H chơi hụi của bà T. Bà nhờ bà H chơi hụi dùm nên bà chỉ biết bà H. Bà H hiện nay còn thiếu bà tiền hụi là 230.000.000 đồng, bà cũng nhiều lần đòi nhưng bà H nói để bà H đòi bà T rồi sẽ trả lại cho bà. Bà xác định việc nhờ bà H chơi dùm 01 phần hụi 10.000.000 đồng do bà T làm chủ là thật. Trong vụ kiện này bà không có tranh chấp. Nếu khi nào bà H không trả tiền cho bà thì bà sẽ khởi kiện bà H ở vụ kiện khác.

- Theo biên bản lấy lời khai và quá trình tố tụng người làm chứng ông Lê Văn H trình bày:

Ông H xác định việc ông nhờ bà H chơi dùm 01 phần hụi 10.000.000 đồng do bà T làm chủ là thật. Ông đã đóng hụi cho bà H được 23 tháng khoảng 184.000.000 đồng, tính cả lãi hụi là 230.000.000 đồng. Ông nhờ bà H hốt hụi dùm thì bà T tuyên bố ngưng hụi. Bà H thiếu tiền ông bà H chịu trách nhiệm với ông. Trong vụ kiện này ông có ý kiến như đã trình bày, không có tranh chấp. Nếu khi nào bà H không trả tiền cho ông thì ông sẽ khởi kiện bà H ở vụ kiện khác.

Ông H, bà N Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt không có ý kiến trình bày.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh trình bày:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đảm bảo đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền theo Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa sơ thẩm dân sự; Thư ký thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

- Về chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt nội quy phiên tòa theo quy định của pháp luật. Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng đã được Tòa án tống đạt hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, Tòa án xét xử theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và ý kiến của Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Theo đơn khởi kiện bà Lê Thị Bích H yêu cầu bà Lã Thị Kim T, ông Nguyễn Văn H; ngụ tại: khu phố 1, phường 1, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh trả số tiền vốn vay là 1.350.000.000 (một tỷ ba trăm năm mươi triệu) đồng; tiền hụi 555.000.000 (năm trăm năm mươi lăm triệu) đồng và lãi suất theo quy định. Đây là vụ kiện "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản; tranh chấp hợp đồng góp hụi" thuộc

thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh được quy định tại Điều 26 và Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thời hiệu khởi kiện: Trong các năm 2010, 2011, 2012 và 2013 bà H cho bà T, ông H vay nhiều lần tiền, trong các giấy nợ không có thời gian trả tiền. Bà H, bà T đều xác định các khoản vay không xác định thời hạn, khi nào bà H cần tiền thì báo trước khoảng 01 tháng cho bà T, ông H biết. Các khoản vay bà T, ông H vẫn đóng lãi đến tháng 12/2015 thì ngưng. Đầu năm 2016, bà H yêu cầu bà T, ông H trả tiền nhưng không trả nên tháng 12/2017 bà H đi khởi kiện. Như vậy, thời hiệu khởi kiện vẫn còn theo quy định của pháp luật.

[3] Ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Hương N đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản nhưng vắng mặt không có lý do. Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Đối với số tiền hụi 135.000.000 đồng do không có giấy tờ, quá trình làm việc bà T không thừa nhận bà H đã đóng hụi từ tháng thứ 20 đến tháng 23. Bà H rút một phần yêu cầu khởi kiện. Tòa án đình chỉ một phần yêu câu khởi kiện theo quy định tại Điều 217 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[5] Bà H khởi kiện yêu cầu bà T, ông H trả số tiền đã vay là 1.350.000.000 đồng. Tài liệu, chứng chứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của bà H là các giấy nợ do bà T viết và ký tên (BL35-39). Mục đích bà T, ông H vay tiền là để kinh doanh tiệm cầm đồ T tại nhà và cho người khác vay lấy lãi. Bà H, bà T và ông H chơi thân với nhau, khi giao tiền bà H giao tại nhà bà T, ông H nên giấy mượn tiền thường do bà H, bà T viết sau đó bà T, ông H ký tên. Ông H, bà T trước đây là vợ chồng, vay tiền bà để kinh doanh và cho vay lấy lãi để trang trải cho gia đình. Vì vậy, bà H yêu cầu bà T, ông H phải có trách nhiệm liên đới thanh toán tiền cho bà H.

[6] Bà T không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của bà H đối với khoản tiền 1.350.000.000 đồng. Trong quá trình làm việc bà T xác định có vay tiền của bà H. Các khoản tiền vay từ năm 2010 đến năm 2016 bà đã cấn trừ nợ với bà N xong nhưng do chị em chơi thân với nhau nên bà không lấy lại các giấy nợ. Bà T thừa nhận các giấy nợ bà H cung cấp cho Tòa án là do bà viết và ký tên, có giấy thì do bà H viết, bà và ông H ký tên. Năm 2016, bà còn thiếu bà H số tiền khoảng 3.500.000.000 đồng. Mục đích bà vay tiền là cho bà N vay để lấy lãi, không dùng vào việc cầm đồ. Bà T, bà H và bà N đã thỏa thuận bà N sẽ trả thay bà số tiền 3.500.000.000 đồng. Như vậy, bà T không còn thiếu tiền bà H. Bà T không có tài liệu, chứng cứ gì chứng minh cho phần trình bày đã trả cho bà H số tiền 1.350.000.000 (một tỷ ba trăm năm mươi triệu) đồng.

[7] Tại tòa bà H yêu cầu bà T, ông H trả cho bà tiền hụi của 19 tháng là 570.000.000 đồng, trừ hoa hồng 15.000.000 đồng, còn lại 555.000.000 đồng và lãi suất. Bà T xác định bà là chủ hụi từ năm 1993. Năm 2014, bà T tính đăng 03 dây hụi 10.000.000 đồng nhưng sau đó chuyển sang 06 dây hụi 5.000.000 đồng. Bà H có đăng ký 3 phần hụi 10.000.000 đồng sau đó chuyển thành 06 phần hụi 5.000.000 đồng. Bà H đã đóng hụi được 19 tháng của 6 dây hụi thì kêu hốt. Bà T đã đăng cho bà H 02 lần với số tiền 280.000.000 đồng. Do bà N vỡ nợ nên bà T ngưng hụi. Sau

đó bà T đã thanh toán tiền hụi xong cho bà H nhưng không có giấy tờ. Như vậy, việc bà T làm chủ hụi, bà H là hụi viên và bà H đã đóng được 19 tháng là có thật. Bà T cũng thừa nhận bà H đã đóng hụi được 19 tháng, sau đó bà T đăng và thanh toán xong nhưng không có tài liệu, chứng cứ chứng minh. Bà T, ông H không đăng hụi nên phải trả tiền lãi từ ngày không đăng (01/5/2016 AL tức ngày 5/6/2016 DL) cho đến ngày xét xử là 555.000.000 đồng x 0.75% x 26 tháng 01 ngày là 108.364.000 đồng. Tổng cộng, bà T, ông H phải trả tiền vốn và lãi hụi là 663.364.000 đồng.

[8] Bà H yêu cầu ông H liên đới trả tiền. Trong giấy nợ đề ngày 26/8/2011, ông Nguyễn Văn H ký nhận tiền. Mặc dù trong các giấy nợ còn lại ông H không có ký tên nhưng việc bà H cho bà T, ông H vay tiền là có thật. Bà H thường giao tiền tại nhà bà T, ông H. Khoản tiền bà T, ông H vay khi hôn nhân còn tồn tại. Mục đích vay để phục vụ cho tiệm cầm đồ T, cho người khác vay lấy lãi phục vụ cho nhu cầu sinh hoạt gia đình. Bà T xác định bà vay bà H tiền để cho bà N vay, không liên quan đến ông H. Đây là khoản nợ riêng của bà, không yêu cầu ông H cùng trả nợ. Nhưng những khoản tiền bà H cho bà T, ông H vay khi ông H, bà T chưa phát sinh mâu thuẫn vợ chồng. Nghề nghiệp chính của ông H, bà T là tiệm cầm đồ T tại nhà. Trong các giấy nợ bà T cho bà N mượn tiền thể hiện vợ chồng bà T, ông H cho bà N vay tiền nhiều lần (BL 180 – 198). Mục đích bà T, ông H cho bà N vay tiền là để lấy lãi. Như vậy, buộc bà T, ông H liên đới trả tiền cho bà H là phù hợp theo quy định tại Điều 27, 30 và 37 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[9] Đối với tiền lãi bà H xác định có thỏa thuận miệng từ 01% đến 02% tùy từng thời điểm vay. Bà T, ông H đóng lãi từ khi vay cho đến tháng 12/2015 thì ngưng được số tiền 659.423.000 đồng, không có giấy tờ. Bà T xác định vay tiền bà H thỏa thuận lãi suất từ 03%/tháng đến 04%/tháng. Bà T đã đóng lãi cho bà H đầy đủ từ khi vay cho đến tháng 7/2016 thì ngưng nhưng không biết được bao nhiêu tiền vì không có giấy tờ. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy các đương sự có tranh chấp về lãi suất nên tính lại lãi suất với mức lãi theo quy định 9%/01 năm là 0.75%/01 tháng cụ thể:

- Ngày 04/10/2010 đến 06/8/2018: 100.000.000 đồng x 0.75%/tháng x 94 tháng 02 ngày là 70.550.000 đồng.
- Ngày 28/4/2011 đến 06/8/2018: 100.000.000 đồng x 0.75%/tháng x 87 tháng 09 ngày là 65.475.000 đồng.
- Ngày 18/8/2011 đến 06/8/2018: 100.000.000 đồng x 0.75%/tháng x 83 tháng 17 ngày là 62.675.000 đồng.
- Ngày 26/8/2011 đến 06/8/2018: 100.000.000 đồng x 0.75%/tháng x 83 tháng 10 ngày là 62.500.000 đồng.
- Ngày 15/01/2012 đến 06/8/2018: 200.000.000 đồng x 0.75%/tháng x 78 tháng 22 ngày là 118.100.000 đồng.
- Ngày 24/02/2012 đến 06/8/2018: 300.000.000 đồng x 0.75%/tháng x 77 tháng 13 ngày là 174.225.000 đồng.
- Ngày 15/3/2012 đến 06/8/2018: 250.000.000 đồng x 0.75%/tháng x 64 tháng 22 ngày là 121.375.000 đồng.

- Ngày 24/01/2013 đến 06/8/2018: 200.000.000 đồng x 0.75%/tháng x 66 tháng 13 ngày là 99.650.000 đồng.

Tổng cộng bà T, ông H phải đóng lãi cho bà H đối với tiền vay là là 774.550.000 đồng. Bà H xác định đã nhận của bà T, ông H tiền lãi 659.423.000 đồng. Như vậy, bà T, ông H còn phải đóng cho bà H tiền lãi là 774.550.000 đồng trừ 659.423.000 đồng là 115.127.000 đồng.

[10] Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh đề xuất hướng giải quyết: Căn cứ vào Điều 471, 474, 476 và 479 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H đối với bà T, ông H. Buộc bà T, ông H có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho bà H số tiền vốn vay là 1.350.000.000 đồng, tiền hụi là 555.000.000 đồng và lãi suất. Án phí dân sự sơ thẩm bà T, ông H phải chịu theo quy định của pháp luật. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà H đối với số tiền hụi là 135.000.000 đồng.

[11] Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà H đối với bà T, ông H. Buộc ông H, bà T liên đới trả cho bà H tiền vay, tiền hụi và lãi suất theo quy định là có cơ sở.

[12] Về án phí: Bà T, ông H phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 471, 474, 476 và 479 của Bộ luật Dân sự năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Bích H đối với bà Lã Thị Kim T, ông Nguyễn Văn H.

Buộc bà Lã Thị Kim T, ông Nguyễn Văn H có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Lê Thị Bích H số tiền vay là 1.465.127.000 (một tỷ bốn trăm sáu mươi lăm triệu một trăm hai mươi bảy ngàn) đồng, trong đó tiền vốn vay là 1.350.000.000 (một tỷ ba trăm năm mươi triệu) đồng, tiền lãi là 115.127.000 (một trăm mười lăm triệu một trăm hai mươi bảy ngàn) đồng.

Buộc bà Lã Thị Kim T, ông Nguyễn Văn H có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Lê Thị Bích H số tiền hụi còn thiếu là 663.364.000 (sáu trăm sáu mươi ba triệu ba trăm sáu mươi bốn ngàn) đồng, trong đó tiền hụi phải đăng là 555.000.000 (năm trăm năm mươi lăm triệu) đồng, tiền lãi hụi là 108.364.000 (một trăm linh tám triệu ba trăm sáu mươi bốn ngàn) đồng.

Tổng cộng, buộc ông Nguyễn Văn H, bà Lã Thị Kim T phải có nghĩa vụ liên đới thanh toán tiền vay, tiền hụi tổng cộng là 2.128.491.000 (hai tỷ một trăm hai mươi tám triệu bốn trăm chín mươi mốt ngàn) đồng, trong đó tiền vốn là 1.905.000.000 (một tỷ chín trăm lẻ năm triệu) đồng, tiền lãi là 223.491.000 (hai trăm hai mươi ba triệu bốn trăm chín mươi mốt ngàn) đồng.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Bích H đối với bà Lã Thị Kim T, ông Nguyễn Văn H số tiền hụi là 135.000.000 (một trăm ba mươi lăm triệu) đồng.

Đương sự được quyền khởi kiện lại một phần vụ án đình chỉ theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí:

- Bà Lã Thị Kim T, ông Nguyễn Văn H phải chịu 74.570.000 (bảy mươi bốn triệu năm trăm bảy mươi ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Lê Thị Bích H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Chi cục thi hành án dân sự thành phố Tây Ninh hoàn trả lại cho bà H số tiền tạm ứng án phí bà đã nộp là 36.400.000 (ba sáu triệu bốn trăm ngàn) đồng tại biên lai thu số 0004997 ngày 10/01/2018.

4. Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ Luật Dân sự năm 2015.

5. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND. tỉnh Tây Ninh;
- VKSNDTP. Tây Ninh;
- CCTHADSTP. Tây Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Dương Thị Bích Hằng

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Thị Bích Hằng